FireAnt

CTCP Dây và Cáp điện Taya Việt Nam (HSX: TYA)

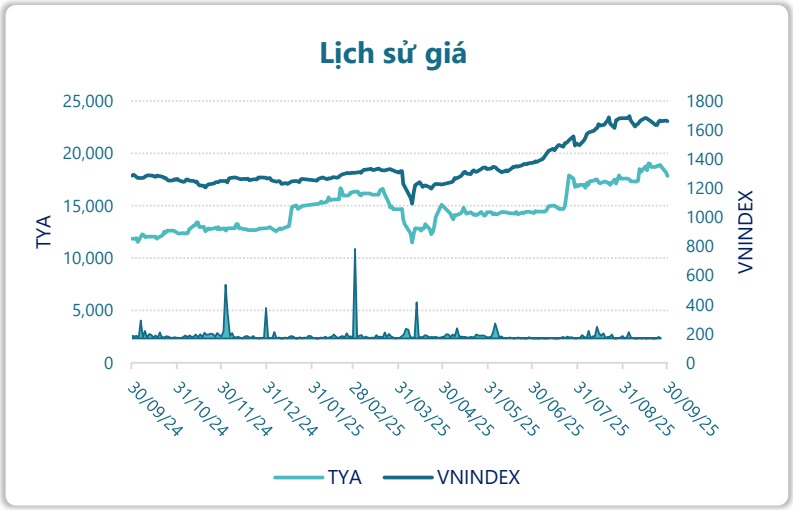

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**17,850**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	19,050
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,486
SL cổ phiếu LH	30,680,582
KLGD BQ 20 phiên (CP)	25,130
% sở hữu nước ngoài	87.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	548
P/E	5.3
EPS	3,353

DT thuần

Q3/25

562

tỷ VNĐ

QoQ: ▼52.0| -8.5%

YoY: ▲ 74.0| 15.1%

LN sau thuế

Q3/25

23.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼12.1| -34.1%

YoY: ▲ 3.40| 17.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

7.0%

+/- YoY: ▲ 0.7%

DT thuần

9T 2025

1,669

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 331| 24.7%

LN sau thuế

9T 2025

79.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 25.3| 46.9%

ROE

Q3/25

18.2%

+/- YoY: ▲ 7.2%

Kết quả kinh doanh

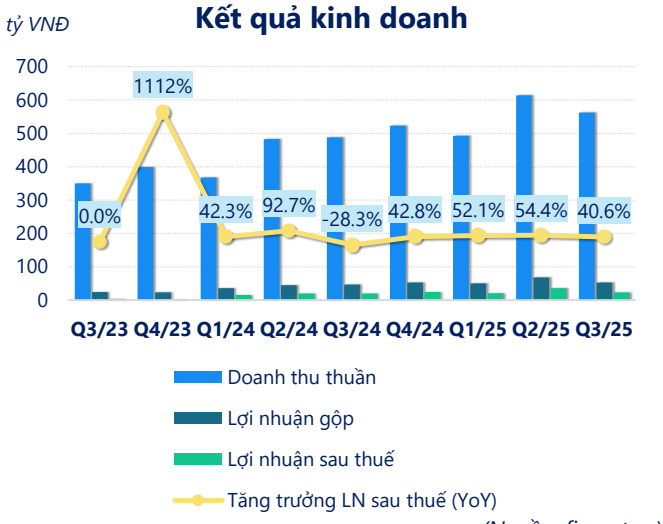

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

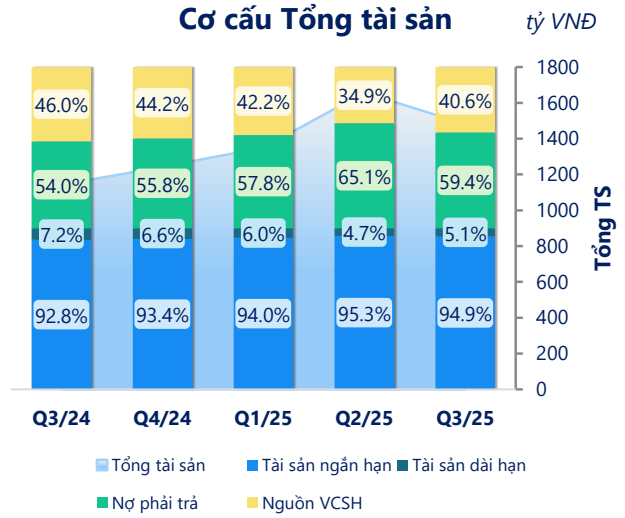

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

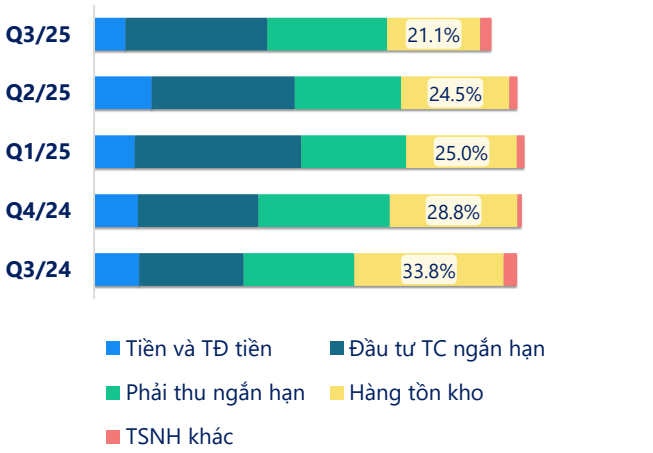

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

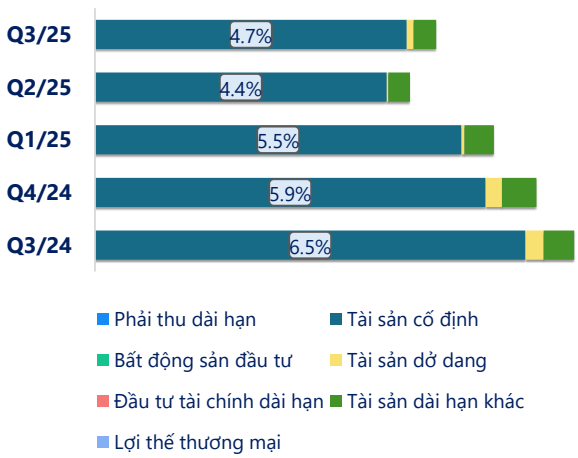

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

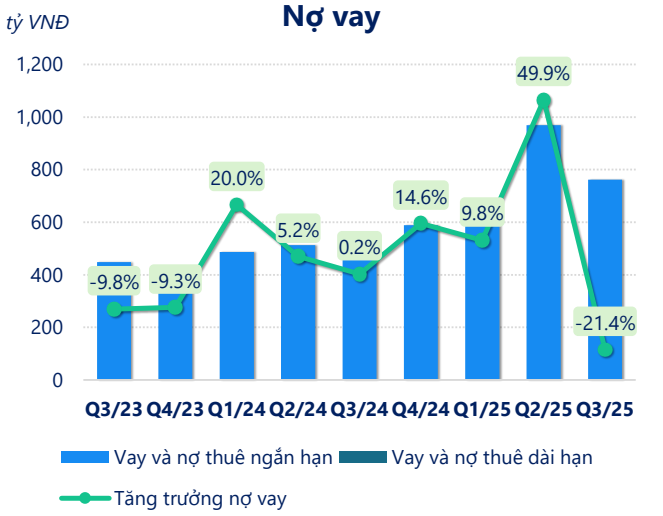

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

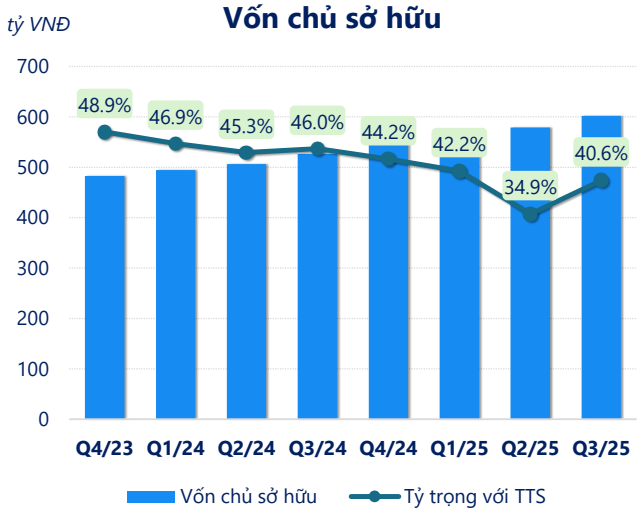

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

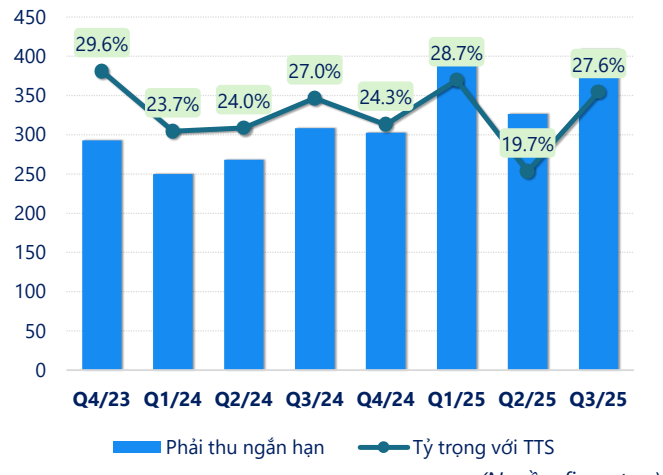

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

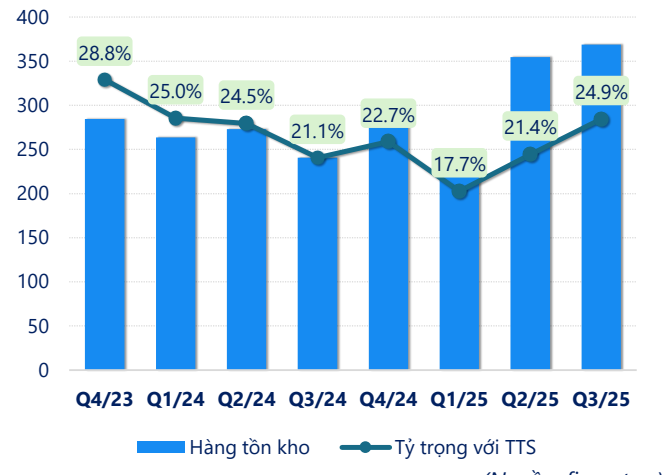

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

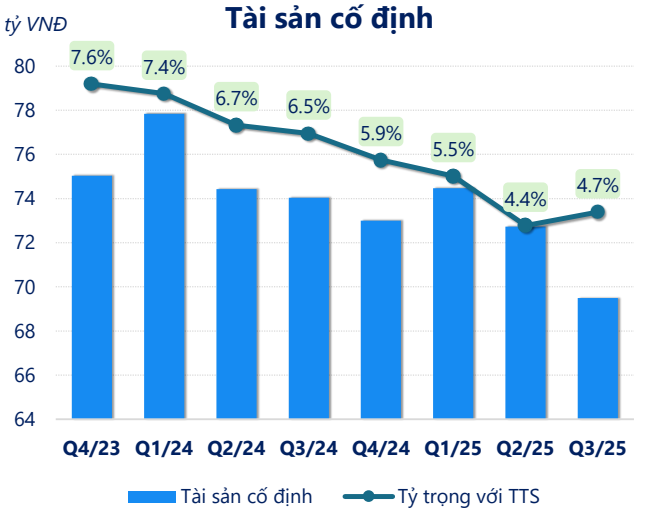

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

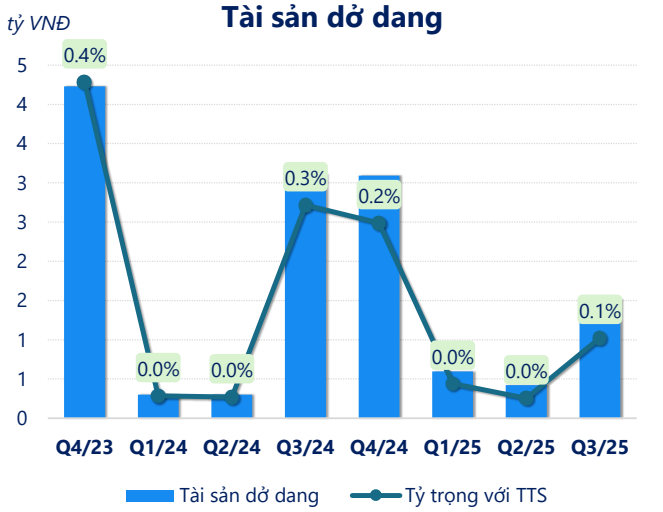

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

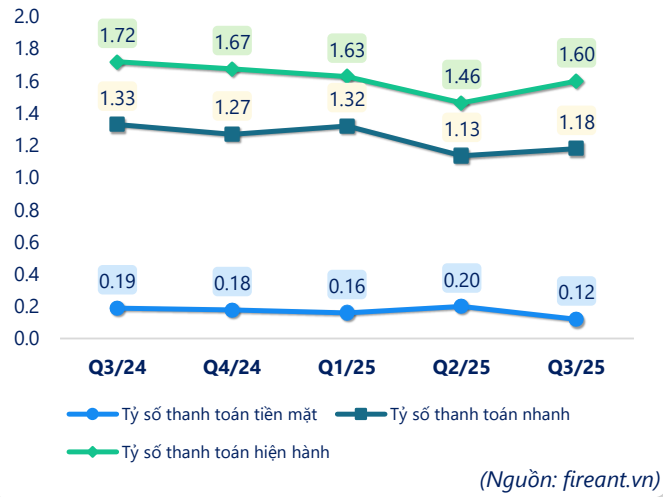

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

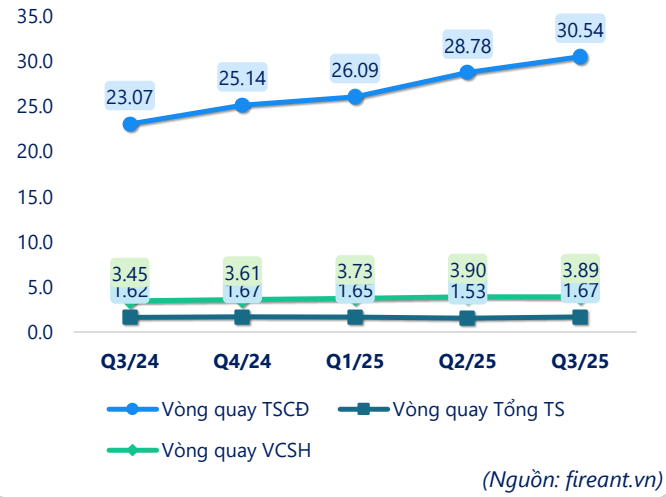

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**1,143**	**1,242**	**1,351**	**1,657**	**1,481**
Tài sản ngắn hạn	**1,061**	**1,160**	**1,270**	**1,579**	**1,405**
Tiền và tương đương tiền	116	123	124	215	105
Đầu tư tài chính ngắn hạn	367	421	474	628	458
Phải thu ngắn hạn	308	302	388	327	409
Hàng tồn kho	241	281	240	355	369
Tài sản ngắn hạn khác	28.7	32.4	43.4	54.6	65.0
Tài sản dài hạn	**82.4**	**82.5**	**81.1**	**78.5**	**76.1**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	74.0	73.0	74.5	72.7	69.5
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	3.11	3.09	0.60	0.42	1.52
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	5.30	6.41	5.99	5.38	5.04
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**617**	**693**	**780**	**1,079**	**879**
Nợ ngắn hạn	**617**	**693**	**780**	**1,079**	**879**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	513	589	646	969	762
Phải trả người bán ngắn hạn	17.1	28.5	19.3	22.8	18.8
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**526**	**550**	**570**	**579**	**602**
Vốn chủ sở hữu	**526**	**550**	**570**	**579**	**602**
Vốn điều lệ	307	307	307	307	307
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)